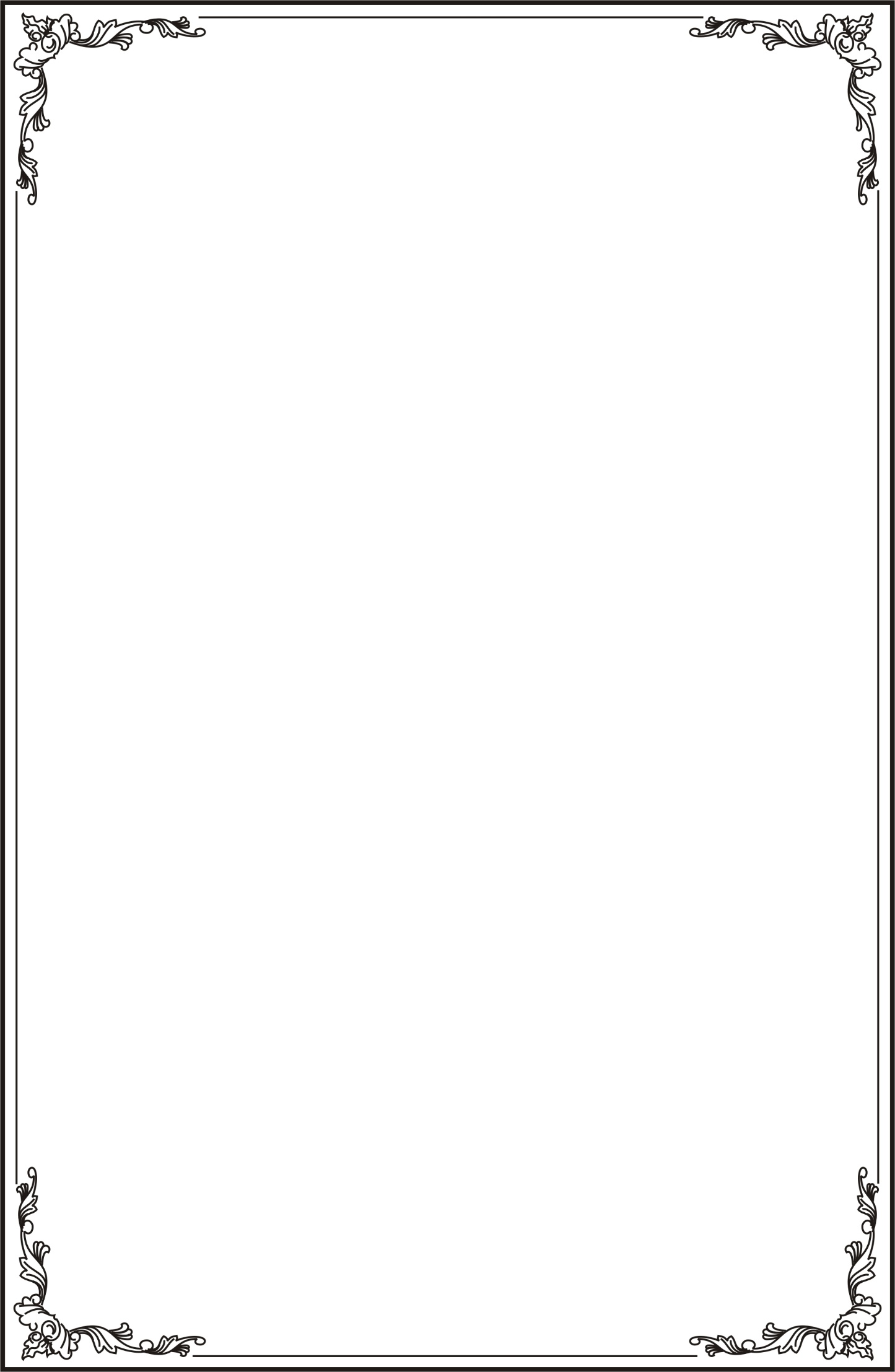
****TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

**KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

-----🙞🙜🕮🙞🙜-----

****

**BÁO CÁO ĐỒ ÁN CÁ NHÂN  
PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG WEB  
“ĐỀ TÀI: HỆ THỐNG QUẢN LÝ   
KHO PHÂN PHỐI CÀ PHÊ”**

**SV thực hiện: NGUYỄN HOÀI HUY ĐẠT**

**MSSV: 63133655**

**Lớp HP: 63.CNTT-1**

**Khánh Hòa – 2023**

**Mục lục**

I. KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG 2

II. CƠ SỞ LÝ THUYẾT LIÊN QUAN 2

1. Tổng quan về ngôn ngữ Asp.NET MVC 2

2. Tổng quan về SQL SERVER 2

III. NỘI DUNG ĐỒ ÁN 3

1. Đối tượng người dùng 3

2. Các chức năng 3

3. Phân Tích hệ thống 3

3.1. Cơ sở dữ liệu 3

3.2. Thiết kế và đặc tả giao diện 5

IV. KẾT LUẬN 8

**I. KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG**

Cà phê là một phần không thể thiếu của cuộc sống hàng ngày của người Việt Nam. Việt Nam là một trong những quốc gia tiêu thụ cà phê lớn nhất trên thế giới. Để đáp ứng nhu cầu người dùng, các trại cà phê ngày càng mở rộng qui mô và nâng cao chất lượng sản phẩm. Để phân phối khắp nước, các trại cà phê phải vận chuyển qua các kho phân phối và sẵn sàng để cung cấp cho các đơn vị bán lẻ, nhà hàng, quán cà phê và khách hàng cuối. Kho phân phối cà phê đóng vai trò quan trọng trong quá trình vận chuyển, lưu trữ và phân phối cà phê đến đích cuối cùng. Do số lượng xuất nhập kho ngày càng nhiều nên hệ thống kho phân phối cà phê cần phải có ứng dụng để quản lý các hoạt động xuất nhập kho.

**II. CƠ SỞ LÝ THUYẾT LIÊN QUAN**

**1. Tổng quan về ngôn ngữ Asp.NET MVC**

ASP.NET MVC là một phần của ASP.NET Framework, là một framework mã nguồn mở dùng để xây dựng các ứng dụng web dựa trên mô hình MVC (Model-View-Controller). Nó cung cấp một cấu trúc phân lớp rõ ràng và mô hình phát triển linh hoạt, cho phép phân tách logic ứng dụng, giao diện người dùng và dữ liệu vào các thành phần riêng biệt.

Ứng dụng ASP.NET MVC được chia thành ba phần chính:

1. Model: Đại diện cho dữ liệu và logic xử lý dữ liệu. Model là nơi lưu trữ và truy xuất dữ liệu từ nguồn dữ liệu, có thể là cơ sở dữ liệu, tệp tin, dịch vụ web hoặc bất kỳ nguồn dữ liệu nào khác. Model cũng chịu trách nhiệm thực hiện các thao tác xử lý dữ liệu như xác thực, xử lý logic kinh doanh, và truyền dữ liệu cho Controller hoặc View.
2. View: Đại diện cho giao diện người dùng. View là nơi hiển thị dữ liệu cho người dùng và gửi các yêu cầu từ người dùng đến Controller. Nó có thể là các trang HTML, tệp Razor, hoặc các thành phần giao diện người dùng khác.
3. Controller: Đại diện cho logic điều khiển ứng dụng. Controller xử lý các yêu cầu từ người dùng, gọi các phương thức trong Model để lấy và xử lý dữ liệu, và sau đó chuyển dữ liệu đến View để hiển thị cho người dùng. Controller có trách nhiệm điều phối các sự kiện và xử lý logic ứng dụng.

ASP.NET MVC cung cấp các tính năng như routing, bảo mật, kiểm thử dễ dàng, quản lý trạng thái, và tương thích với các công nghệ web hiện đại. Nó cũng cho phép phát triển ứng dụng web linh hoạt và có thể kiểm soát được với việc tách biệt rõ ràng giữa các thành phần.

**2. Tổng quan về SQL SERVER**

SQL Server là một hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ (Relational Database Management System - RDBMS) được phát triển bởi Microsoft. Nó cung cấp một môi trường để lưu trữ, truy xuất và quản lý dữ liệu trong các ứng dụng và hệ thống. SQL Server sử dụng mô hình cơ sở dữ liệu quan hệ, trong đó dữ liệu được tổ chức thành các bảng có mối quan hệ với nhau thông qua các khóa chính và khóa ngoại. Điều này giúp đơn giản hóa việc lưu trữ và truy xuất dữ liệu, cũng như cung cấp tính năng như kiểm soát dữ liệu, đồng nhất và bảo mật. SQL Server cung cấp nhiều tính năng và công cụ mạnh mẽ để quản lý cơ sở dữ liệu. Điều này bao gồm sao lưu và khôi phục dữ liệu, quản lý bảo mật, xử lý giao dịch, tối ưu hóa truy vấn và lập lịch công việc. SQL Server cũng cung cấp các công cụ như SQL Server Management Studio (SSMS) để quản lý cơ sở dữ liệu và phát triển ứng dụng. SQL Server hỗ trợ cho một loạt các ứng dụng và nền tảng phát triển. Bạn có thể sử dụng SQL Server để phát triển các ứng dụng web, ứng dụng di động, ứng dụng doanh nghiệp và nhiều loại ứng dụng khác. SQL Server cũng cung cấp các công cụ và API để tích hợp với các ngôn ngữ lập trình và framework phổ biến như .NET, Java, Python và Node.js.

**III. NỘI DUNG ĐỒ ÁN**

**1. Đối tượng người dùng**

Ứng dụng chỉ cho phép nhân viên quản lí sử dụng như các nhân viên có chức vụ quản lí, thủ kho. Các nhân viên quản lí có thể: có thể xem, thêm, sửa, xóa và tìm kiếm thông tin nhân viên; có thể kiểm tra, tìm kiếm và cập nhật thẻ kho, phiếu nhập kho, phiếu xuất kho.

**2. Các chức năng**

* Xem: kiểm tra nội dung các bản ghi dữ liệu
* Thêm: thêm và tạo mới các nội dung dữ liệu mới.
* Sửa: chỉnh sửa các thông tin sai sót trong dữ liệu hoặc cập nhật lại các thông tin trong thẻ kho
* Xóa: xóa các dữ liệu sai, không có trong thực tế.
* Tìm kiếm: lọc và tìm các dữ liệu cần kiếm trong hệ thống dữ liệu ngày càng lớn.

**3. Phân Tích hệ thống**

**3.1. Cơ sở dữ liệu**

A screenshot of a computer

Description automatically generated

* Lớp NHANVIEN (nhân viên)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thuộc tính | Kiểu dữ liệu | Ràng buộc | Ý nghĩa |
| 1 | MaNV | nvarchar(10) | Khóa chính | Mã nhân viên |
| 2 | HoNV | nvarchar(50) |  | Họ nhân viên |
| 3 | TenNV | nvarchar(10 |  | Tên nhân viên |
| 4 | NgaySinh | date |  | Ngày sinh |
| 5 | GioiTinh | bit |  | Giới tính |
| 6 | AnhNV | nvarchar(50) |  | Ảnh nhân viên |
| 7 | DiaChi | nvarchar(100) |  | Địa chỉ |
| 8 | SDT | nvarchar(20) |  | Số điện thoại |
| 9 | ChucVu | nvarchar(30) |  | Chức vụ |
| 10 | Luong | int |  | Lương |

* Lớp THEKHO (thẻ kho)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thuộc tính | Kiểu dữ liệu | Ràng buộc | Ý nghĩa |
| 1 | MaCF | nvarchar(10) | Khóa chính | Mã cà phê |
| 2 | LoaiCF | nvarchar(50) |  | Loại cà phê |
| 3 | SoLuong | smallint |  | Số lượng |
| 4 | DVT | nvarchar(5) |  | Đơn vị tính |
| 5 | DonGia | int |  | Đơn giá |

* Lớp NHAPKHO (phiếu nhập kho)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thuộc tính | Kiểu dữ liệu | Ràng buộc | Ý nghĩa |
| 1 | SoPhieuNhap | nvarchar(10) | Khóa chính | Số phiếu nhập |
| 2 | NgayNhap | date |  | Ngày nhập |
| 3 | MaNV | nvarchar(10) | Khóa ngoại | Nhân viên phụ trách |

* Lớp NDNHAPKHO (nội dung phiếu nhập kho)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thuộc tính | Kiểu dữ liệu | Ràng buộc | Ý nghĩa |
| 1 | SoPhieuNhap | nvarchar(10) | Khóa chính, Khóa ngoại | Số phiếu nhập |
| 2 | MaCF | nvarchar(10) | Khóa chính, Khóa ngoại | Mã cà phê |
| 3 | LoaiCF | nvarchar(50) |  | Loại cà phê |
| 4 | SoLuong | smallint |  | Đơn vị tính |
| 5 | DVT | nvarchar(5) |  | Đơn giá |

* Lớp XUATKHO (phiếu xuất kho)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thuộc tính | Kiểu dữ liệu | Ràng buộc | Ý nghĩa |
| 1 | SoPhieuXuat | nvarchar(10) | Khóa chính | Số phiếu xuất |
| 2 | NgayXuat | date |  | Ngày xuất |
| 3 | MaNV | nvarchar(10) | Khóa ngoại | Nhân viên phụ trách |
| 4 | TenNgNhan | nvarchar(100) |  | Tên người nhận |
| 5 | DiaChi | nvarchar(100) |  | Địa chỉ |
| 6 | SDT | nvarchar(20) |  | Số điện thoại |

* Lớp NDXUATKHO (nội dung phiếu xuất kho)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thuộc tính | Kiểu dữ liệu | Ràng buộc | Ý nghĩa |
| 1 | SoPhieuXuat | nvarchar(10) | Khóa chính, Khóa ngoại | Số phiếu xuất |
| 2 | MaCF | nvarchar(10) | Khóa chính, Khóa ngoại | Mã cà phê |
| 3 | LoaiCF | nvarchar(50) |  | Loại cà phê |
| 4 | SoLuong | smallint |  | Đơn vị tính |
| 5 | DVT | nvarchar(5) |  | Đơn giá |

**3.2. Thiết kế và đặc tả giao diện**

* Giao diện đăng nhập

Để nhân viên quản lí đăng nhập và truy cập vào cơ sở dữ liệu của kho.

A screenshot of a computer

Description automatically generated

* Giao diện dữ liệu nhân viên

Để các nhân viên quản lý tìm kiếm, tra cứu và chỉnh sửa thông tin các nhân viên.

A screenshot of a computer

Description automatically generated

* Giao diện dữ liệu thẻ kho

Để các nhân viên quản lý tìm kiếm, tra cứu và cập nhật các thẻ kho.

A screenshot of a computer

Description automatically generated

* Giao diện dữ liệu phiếu nhập kho và xuất kho

Để các nhân viên quản lý tìm kiếm, tra cứu và cập nhật các phiếu nhập xuất.

A screenshot of a computer

Description automatically generated

A screenshot of a computer

Description automatically generated

Có thể xem nội dung chi tiết của các phiếu thông qua “Xem nội dung chi tiết” trong chi tiết của các phiếu.

A screenshot of a computer

Description automatically generated A screenshot of a computer

Description automatically generated

* Giao diện nội dung của các phiếu nhập xuất

Để nhân viên tra cứu nội dung của các phiếu nhập xuất.

A screenshot of a computer

Description automatically generated

A screenshot of a computer

Description automatically generated

**IV. KẾT LUẬN**

Kết quả của đề tài: Xây dựng ứng dụng web để quản lý kho phân phối cà phê, trong đó có quản lý nhân viên và các hoạt động nhập xuất kho. Giao diện dễ sử dụng. Ứng dụng có các chức năng cần thiết cho việc quản lý (xem, sửa, xóa, tìm kiếm).

Hạn chế của đề tài: Ứng dụng rất sơ sài, thiếu nhiều chức năng. Hệ thống người dùng không hiệu quả. Chưa phân quyền cho các tài khoản người dùng. Bảo mật kém.

Qua môn học phát triển ứng dụng web, em đã xây dựng được một ứng dụng web dùng để quản kho phân phôi cà phê tuy sơ sài, thiếu thực tiễn nhưng có thể hoạt động. Do thiếu nhiều kinh nghiệm thực tế nên ứng dụng và báo cáo có nhiều sai sót.